

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 -BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST

Ngày 21/5/2026

V/v “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Đỗ Xuân Tác

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND Khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Đức T - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 20/08/2001 (có mặt)*

Số CCCD: 024301000823, cấp ngày 11/4/2021

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn: Anh Vũ Bình T1, sinh ngày 24/09/1997 (vắng mặt)*

Số CCCD: 024097013826, cấp ngày 11/4/2021

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Bình T1 kết hôn với nhau ngày 03/01/2023, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, nhưng sau thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 nợ nần cá nhân, không có trách nhiệm với vợ con. Chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12 năm 2025, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong thời gian sống ly thân, anh T1 có gọi về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Vũ Bình T1.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Ánh C, sinh ngày 01/8/2024. Hiện cháu C đang ở với anh T1, vì khi chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh T1 không cho đón con về cùng. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Chị xin được ly hôn anh T1, xin được nuôi con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Bị đơn anh Vũ Bình T1 trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau ngày 03/01/2023, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, nhưng sau thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân không thể hòa hợp, không còn tình cảm với nhau và hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2025 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên không còn quan tâm đến nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh xác định có 01 con chung là cháu Vũ Ánh C, sinh ngày 01/8/2024. Hiện cháu C đang ở với anh. Ly hôn chị H đề nghị nuôi con chung là cháu Vũ Ánh C thì anh đồng ý. Hiện anh đang làm công nhân công ty S, thu nhập trung bình một tháng khoảng 15.000.000 – 17.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc cả ngày, làm cả thứ bảy chủ nhật, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho con chung học hành phát triển bình thường.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ : Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T1 vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Bình T1.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ánh C, sinh ngày 01/8/2024 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Bình T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 xác định không có và đều không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001128 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ.

Anh Vũ Bình T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 03 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H xin ly hôn anh Vũ Bình T1 có nơi cư trú tại thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Vũ Bình T1 vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh), làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 sau khi kết hôn, về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do hai bên không có tiếng nói chung, bản thân anh T1 không có trách nhiệm với vợ con. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2025 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm không còn, anh T1 xác định tình cảm vẫn còn, nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung của chị H và anh T1 không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 xác định có 01 con chung là cháu Vũ Ánh C, sinh ngày 01/8/2024. Hiện con chung đang ở cùng anh T1 sau khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Khi ly hôn chị H xin được nuôi con chung, anh T1 đồng ý để chị H nuôi con chung. Xét về điều kiện, thời gian chăm sóc, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung nên cần giao con chung cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vũ Bình T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Khoản Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 đều xác định không có, và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001128 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ.

Anh Vũ Bình T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Bình T1.
2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ánh C, sinh ngày 01/8/2024 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về vấn đề cấp dưỡng: Anh Vũ Bình T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 6 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom

con của người đó.

4. Về công nợ, tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Bình T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001128 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ.

Anh Vũ Bình T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

7.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- UBND xã Hợp Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

